

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27-5-2022
V/v tranh chấp về ly hôn,
tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thiện Lợi.
2. Ông Vũ Tiến Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 03 năm 2022 về việc tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2022/QĐST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Thôn T, xã V, thành phố Th, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn V, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Thôn T, xã V, thành phố Th, tỉnh Thái Bình.

(Chị H, anh V đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/02/2022, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chị Lê Thị H trình bày:** Chị và anh Phạm Văn V tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký ngày 13/8/2007 tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố Th, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh V ở thôn T, xã V, thành phố Th, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V có uống rượu và hay có những lời nói xúc phạm đến chị và mẹ chị. Khi chị đi xuất khẩu lao động về nước anh V vẫn tiếp tục có những lời lẽ xúc phạm chị. Vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ từ năm 2019 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Phạm Văn V.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Phạm Thế V, sinh ngày 24/4/2007 và Phạm Khánh V, sinh ngày 07/5/2012, hiện nay đang ở cùng chị và mẹ đẻ chị. Trong thời gian các cháu ở với chị và mẹ đẻ chị các cháu được đảm bảo mọi điều kiện ăn ở sinh hoạt, học tập và phát triển tốt. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị lao động tự do, thu nhập trung bình khoảng 9.000.000đ/tháng, chị có mẹ đẻ phụ giúp trong việc nuôi con, chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng hai con tốt.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Anh Phạm Văn V đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến trình bày nộp cho Tòa án.

*** Tại Biên bản lấy lời khai của bà Bùi Thị Kị là mẹ đẻ của anh Phạm Văn V thể hiện:** Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị H trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại thôn T, xã V. Đến khoảng năm 2017 chị H đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Hai năm đầu vợ chồng vẫn liên lạc bình thường. Sau đó anh V có ghen tuông, vợ chồng có lời qua tiếng lại nên chị H không gọi điện, quan tâm đến anh V nữa. Khi chị H về nước gia đình bà có khuyên bảo chị H nhưng chị H và mẹ chị H không chấp nhận và không về chung sống cùng anh V. Đến nay chị H có đơn xin ly hôn thì tùy ở anh V, chị H. Về con chung: Vợ chồng anh V chị H có hai con chung như chị H trình bày, hiện

nay hai cháu đang ở với chị H và mẹ chị H. Ly hôn bà đề nghị giao cả hai cháu cho mẹ cháu nuôi dưỡng. Về phần tài sản chung: Vợ chồng anh V chị H có xây được 01 nhà trên đất của gia đình bà nhưng hiện nay ngôi nhà này đã xuống cấp, vợ chồng anh chị không nợ gì với gia đình bà. Gia đình bà có nhận được Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản của Tòa án, bà đã thông báo cho anh V, nhưng anh V bận công việc không đến Tòa án được. Bà đề nghị Tòa án gửi văn bản tố tụng về cho gia đình bà, bà cam kết thông báo ngay cho anh V.

*** *Tại biên bản xác minh với Ủy ban nhân dân xã V, thành phố Thái Bình thể hiện:*** Chị H, anh V có đăng ký hộ khẩu và hiện đang cư trú tại thôn T, xã V. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến khi chị H đi xuất khẩu lao động một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống của chị H, anh V sau khi đi nước ngoài là không đồng nhất. Đến nay chị H có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung anh V, chị H có hai con chung như chị H trình bày, hiện nay hai cháu ở với chị H và mẹ đẻ chị H. Chị H, anh V đủ điều kiện nuôi con. Về tài sản: anh V chị H có làm được nhà trên đất của bố mẹ đẻ anh V cho mượn. Anh V hiện nay đi làm ăn thỉnh thoảng có về địa phương.

*** *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*** Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Điều 6, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị H được ly hôn anh V. Về con chung: Ly hôn, giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Phạm Thế V, sinh ngày 24/4/2007 và Phạm Khánh V, sinh ngày 07/5/2012. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản: không đặt ra giải quyết. Án phí: Buộc chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, khởi kiện và có yêu cầu xin ly hôn, đề nghị giải quyết việc nuôi con chung do đó xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố Th, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân thành phố Th, tỉnh Thái Bình có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh V được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Anh chị đã cắt đứt mọi quan hệ từ năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai, xét thấy hôn nhân giữa chị H và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn anh V.

[4] Về quan hệ con cái: Chị H và anh V có hai con chung là Phạm Thế V, sinh ngày 24/4/2007 và Phạm Khánh V, sinh ngày 07/5/2012. Cả hai cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ, chị H có đủ điều kiện nuôi con và đã nuôi con ổn định từ năm 2017 đến nay nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh V không trình bày về vấn đề tài sản, vì vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Điều 6, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Lê Thị H được ly hôn anh Phạm Văn V .

[2]. Về quan hệ con cái: Giao cho Chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Phạm Thế V, sinh ngày 24/4/2007 và Phạm Khánh V, sinh ngày 07/5/2012. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Anh Phạm Văn V có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh Phạm Văn V , Chị Lê Thị H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3]. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000538 ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Th, tỉnh Thái Bình; Chị Lê Thị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị H , anh Phạm Văn V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; (Giấy chứng nhận kết hôn số: x ngày 13/8/2007)
- Chi cục THADS thành phố Thái Bình;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương